

TIENG-DAN

**Kẻ trượng phu
không chịu ai
thương.**
丈夫不受人憐

HUYNH-THỨC-KHÁNG

người gỏi, vậy nghĩ nào có mandat
y, xin trả lời cho biết.

Kỷ này 6 trường

Thẻ-lệ Lao-dộng ở Trung-kỳ

c... Công nhân là hàng người lấy lao lực mà nuôi sống, tinh thần rất là khổ sở, xem trong đạo đức này thì thông theo nguyên lý lấy giá nhân, nghĩa là

Chúng tôi xin đồng thanh với bạn
Thường trực dân viện mà xin sửa
đổi bản dự trù ấy cho dân lao
động được nhờ. T. D.

Coi 4 ngón tay mà được 400c\$!
Nhưng đó là chuyện người Tây.

Một số mua lễ xin hỏi :
THANH THANH 120 Bd de la
Somme SAIGON, là tiệm bán đủ sách
vở báo chí, các đồ nội hóa và làm Đại-lý
cho các nhà thuốc Annam có danh tiếng
khu này.

đơn, hoàn, tán như : Lễ huy Phách,
Ngũ tinh được phò, Đền nguyên,
Kim Hư, Tham thiên Đường, Vô
căn Văn, Lợi sanh đường, Chim én,
Chà trầu, Chiến thắng, Thuộc suyền
chà truyền, Thuộc diêm mắt và thuốc
đau đầu của cụ Cả Soạn Minh Hương.

M. NGÔ-THIỆP
Directeur LỢI-SANH-ĐUỜNG, TOURANE
 Ông tự đặt quyền & họ: M. Phan-thị-Tiến.
 Ông là: Ông Hải-Tông-Thư

LÀ CỪU-MAI

12 — Đồng-Khánh — HUẾ

Hôtel Littré 9, rue Littré - PARIS (VI^e)



Hai thứ thuốc này là iugan khắp Đông-Pháp, ngoài những loại thuốc mìn ị đã đing ở trên, nay xin dịch bản phân chất, đoc qua năm ANTONINIUS theo theo NHÂN-TẠO HUYNH sau khi nghĩ đđ thí-nghiệm và phân chất tại phòng LABORATOIRE de CHIMIE de L'INDOCHINE-HANOI như sau :
e Thuốc này lấy toàn tinh chất của một thứ cây qu, trong đó có v NHU-SÂM : e chất theo phương pháp hóa chất Thử-ity, hợp đoc cho người Annam có thể biết khi huyết : e tăng sức khỏe, làm cho hồng huyết cầu (globules rouges du sang) tươi tốt trong sạch, và tất e trở đợc v trạng lện, giàng-mai s.
Triệu dịch đoạn nghĩ chứng nhận thuốc CÓ-TÍNH SỒ-THẬN :
e Thuốc này không có chất độc, tinh chất toàn nguyên liệu rất qu như SÂM một ong v.v... e trị chứng đm thận đ-tinh s.
Có Bán Tại : SINH-HUY DƯỢC-ĐIỂM, 59, Phố Ga -- VINH
và trước cửa Chùa Thanh Ộ LƯƠNG

PHARMACIE PHAM - DOÀN - DIEM, TOURANE

Pharmacie Thái quang Khiết Quinhon
 • Phan Quỳnh Quinhon
 • Tạ ngọc Liên Nhatrang
 • Đỗ đức Hiệu Dalat
 • Phạm tự Tô Phanthiet

PHỤ - TRƯỞNG TIẾNG - DAN

ĐỜI LAO-ĐỘNG

THỢ LAM MỎ VÀNG Ở KIM-SƠN (NAM-MỸ)

« Núi vàng », nghe cái tên đã khiến cho người đời nhiều nước miêng. Mà nhiều nước miêng là phải: một hầm vàng ở miền Bắc - Sơn ta đây, đã khiến cho người ta nao nức, kẻ mua người bán, kẻ mua gian, người bán trộm, làm rầm một góc trời; huống chi là cái núi có những mỏ vàng lấy hoài không hết, bảo người đời không ham sao được. Vì thế mà trên đời có hạng người sống về cái nghề rất cực nhọc vất vả, là bọn nhân công làm mỏ vàng.

Vàng là vật quý báu nhất trên đời, hạng lao động làm ở mỏ vàng, ai cũng tưởng ngồi trên đồng của thì được sung sướng hơn làm nghề khác. Chính Hoa - công đưa nhau sang Kim - sơn mà đến nỗi người ta phải hạn chế kia. Nào có biết đâu cái tấn kịch « đời gao mà nhàn đời » nó trái ngược làm sao! Xin nghe lời một người Hoa - công đã làm công lâu năm ở Kim - sơn mà ký giả Thân-báo thuật lại:

« Có một thời kỳ đã lâu, người Tàu óm mới mộng tưởng đi sang « Hoàng-kim-thế-giới », tức là qua Nam - dương làm công ở các mỏ vàng, mà mỗi năm thường có bọn chiêu mộ Hoa-công một số đông.

« Nay có người thợ mỏ đã bị giam lỏng ở Kim - sơn lâu năm mới về, thuật rõ hiện tình như vậy:

« Ở núi mỏ vàng ấy, không được mấy ngày khi trời quang lạnh như nơi khác, thường là một vùng âm u u sầu, đầy những thấp khi, ít khi thấy mặt trời mọc buổi sáng; chỉ nghe tiếng còi gọi một cách gắt gao đánh thức bọn công nhân dậy đi làm. Trong khi ngủ chưa thấy giấc, nghe tiếng còi dậy gọi thì lật dậy đi con mắt ghèn, nuốt lấy được mấy miếng bánh đã nguội lại cứng, rồi mỗi người vai mang một cái bao gai, tay cầm một cái búa và một cái đèn, (thứ đèn dùng riêng của thợ mỏ), tới sắp hàng trước mặt người giám thị (cái coi làm) rồi kéo đến mỏ.

Người giám thị lưng đất lười lể, vai mang súng trường, tay lại cầm roi, hai con mắt chăm vào bọn công nhân như đinh đóng. Chạm một dích, hoặc cùng nhau thổi một câu chuyện là được hưởng mấy bữa sung phan cho ngày. Dụng đầu thì đầu chĩa, dụng vai và ngực thì vai ngực chĩa, có đau mấy cũng không dám là một tiếng, vì lại rước thêm mấy bữa sung nữa.

« Thường thường những bọn công nhân mới đến (vì nghe lầm lời dụ dỗ mà sang đây),

không chịu nổi cái ếch khô nói trên, hay liều bỏ sở trốn, nên dưới chân lại đóng chom một thứ xiên xiên, đi bước nghe lengkeng, đi đường khó nhọc biết bao! nhưng đã vào vòng thì còn phương gì để kháng được nữa; muốn trốn cũng không trốn được, vì chúng quanh bốn mặt đều có người giám thị trông nom cá, bước lệch vài bước, viên đạn bắt nhân kia đã đưa tới ngay.

« Trên là những cách đối đãi với bọn công nhân mới đến, trong cái lò « ống xương ép thịt » ấy, để làm tiêu mất tư tưởng đề kháng, trốn tránh, và một mực phục tùng theo khuôn kiểu đã nắn, khi ấy mới được mở xiềng chửa ra. Nhưng thương hại! khi mở xiềng ra, đi đường cũng ra chun chữ bát A, xa liêng xa liêng trên đường, vì cái dấu xiềng in sâu vào chun mà phải thành tật.

« Hầm mỏ ở dưới đất cái, sâu mấy trăm thước không khác gì nơi âm phủ, trong ấy tối mù, đất ướt, bọn công nhân lom khom cúi mình bò vào thấp đèn mờ mờ, vừa rơi vừa bò tới, ngọn khói bay ra từng luồng, tràn trong không khí, cái mùi nồng hoi rất khó thở. Đến nơi làm (nơi này có hơi cao một chút, thà đèn xuống bắt đầu làm việc, thời thì nào beng, nào cúp, nào đá mỏ đập ra từng khối, dồn vào bao gai, dồn cho đầy cất lên vai rồi bỏ trở ra; cứ làm như vậy phiên này đến phiên khác, tự sớm mai cho đến tối mới được mang bụng đói về ăn cơm tối, nghỉ ngơi một hồi, rồi bắt đầu làm việc ban đêm.

« Món ăn của bọn công nhân, là cơm gạo lứt, cá muối khô, rau đậu, là món đồ dùng luôn quanh năm. Mỗi người chỉ mang một cái bát bằng đồng trên ngực, trên có khắc chữ số (như thế bài ngà và máy day chúng ta thường thấy). Số hiệu đó thay cho cái tên, kêu gọi sai bảo gì cũng cứ kêu theo số hiệu ấy (như số tù ở xứ ta).

« Đều ngày hăm nhất trong hăm mỏ: một là hăm nổ, hai là nước ngập. Nếu không may gặp phải tấn thảm kịch ấy, thì bọn công nhân dưới hầm, thì một cách nhăm nhăm đợi chết, không còn phương pháp gì để tránh khỏi, thăm biết bao nhiêu!

« Thế mà đối với những tấn thảm kịch ấy, các ông chủ mỏ không chút mủi lòng. Vì lớp này chết thì họ mới lớp khác đến, hiện có vô số người đương hăm hờ chực sang.

« Đời sống của bọn thợ mỏ cay chua như thế, trong những hầm sâu hang thâm kín, chôn biết bao nhiêu đồng xương của những kẻ ham vàng, mà rút cục chỉ làm giàu cho

Tờ báo lớn nhất thế giới

(TỜ ASAMI Ở NHẬT-BẢN)

Tờ báo này do ông Ryohel Murayama đứng đầu công ty Asahi Shimbun, tạ thế ngày 24 Novembre 1928, sáng lập năm 1878, đến năm 1888 lại mở thêm một tờ nữa tên là Tokyo Asahi. Hai tờ báo Asahi ngày nay đã thành hai tờ báo lớn nhất ở châu, không kém các tờ báo lớn ở Âu. Mỹ. mỗi ngày xuất bản ba triệu tờ, có 4.000 người làm và 41 bộ máy rotatives thường hạng.

Một tờ báo sống đến năm thứ 57 mà vẫn do một người khai sáng trông nom, thật là một sự rất hiếm, dù ở các nước Tây phương cũng ít có.

Ông Murayama lập thành một công ty xuất bản, gọi là Asahi Publishing Company để xuất bản nhiều tờ báo khác.

Báo Asahi có 120 phòng viên ở khắp nước Nhật. Ngoài ra lại còn có các phòng viên ở London, Paris, Berlin, Moscow, New York, Shanghai và nhiều tỉnh lớn khác trên thế giới, phòng viên ở ngoại quốc có tới 50 người.

Báo Asahi giao thiệp rất thân với báo Times ở Anh, báo Le Journal ở Pháp và báo New Times ở Mỹ.

Tòa báo ở Osaka và tòa báo ở Tokyo có hai đường điện thoại riêng (exclusive telephone lines) để truyền tin tức cho nhau, và có máy chụp ảnh gửi theo các đường điện (telephoto). Hai tòa báo có 20 chiếc máy bay đi lấy tin tức hoặc chụp ảnh và rất nhiều chiếc ô tô để đi tìm tin, phòng những khi máy bay không đi được.

Mỗi tòa báo bao giờ cũng có sẵn 15 triệu chữ in. Các chữ đó đều do máy đúc trong nhà in đúc, mỗi giờ được 180.000 chữ.

Báo Osaka Asahi có 17 cái máy rotatives báo Tokyo Asahi có 12 cái, mỗi máy rotative in mỗi giờ được 80.000 tờ báo bốn trang. Ngoài ra mỗi báo còn có sáu rotatives thật nhanh (rapid rotary web printing machines) mỗi giờ in được 180.000 tờ bốn trang.

Mỗi tờ báo Asahi xuất bản mười một lần một ngày (11 editions), buổi sáng 8 lần, buổi chiều 3 lần. Trích Ngộ Báo

Một bài tiết-túc trong văn giới ta, so với Chính-phủ ngấm, Càng-ôn chùng Truyền-Kiến đồng là một áng văn chương tài xuất sắc của văn hóa nước ta mà ngày nay còn lưu truyền, là:

TÂN-CUNG-OÁN
PHẠC-TRUNG-NGỌC
giải - nghĩa và phê - bình

Bản tại nhà in Tiếng - Dân
mỗi quyển 0\$10

mấy nhà chủ mỏ...

Đọc bài trên này, thấy cái kiếp lao động xử nào cũng một số phận như nhau. Đối với bọn công nhân « ngồi không ăn sương » cũng hạng người « làm không được ăn thì mấy chữ tự do », « bình đẳng » chưa có nghĩa lý gì, sao cũng có ngày cái tạo chế độ kinh tế, thì nhân loại mới có hạnh phúc chung.

HẢI-ÂU

Phí khoán về việc kết hôn ở các nước

Hội Gia đình khoa học nghiên cứu ở Nhật bản mới phát hiện một bản thống kê rất thú: Trong bản thống kê ấy, họ đem số huê lợi thân vào của mỗi nhà, so sánh với khoản phí về việc kết hôn, kết quả như vậy:

Nước	Phân trăm
ANH và PHÁP	1%
ĐỨC, MỸ	2%
Ý	1%
TÂY-BAN-NHÀ	7%
TỔ-NGA	8%
NHẬT-BẢN	20 đến 25%
TAU	25 đến 30%

2) Các nhà có huê lợi 1000 đồng

ANH	8%
PHÁP	1%
MỸ, ĐỨC	2%
TÂY-BAN-NHÀ	6%
TỔ-NGA	8%
NHẬT-BẢN	10 đến 20%
TAU	30%

Thế là phí dụng về việc kết hôn đồng bào của ông Tôn-Văn chiếm giải « quán quân », nhưng nếu so với người Nam ta còn thua xa, vì dân Việt Nam ta nhiều nhà làm lễ hôn hết cả trăm phần trăm 100% nữa kia!

Bản tại Tiếng Dân

Giây và Dao
(Ái-tình và luân-ly tiền-thuyết)
GIÁ BÀN 0\$10

Khảo cứu về các xứ mọi ở tỉnh Quảng-Ngãi

(Tiếp theo Phụ trương số 771)

Đồ nhạc Mọi

Mọi giàu, nhà nào cũng đều sắm một bộ đồ đánh nhạc để trong nhà chơi. Bộ đồ đánh nhạc ấy gồm có 4 cái chiêng lớn và nhỏ, 4 cái đồng la lớn và nhỏ, dùng tay vỗ đánh, gọi là tấu chiêng. Có một cái đàn, đàn đồng nửa quả dưa làm bản đàn, có 2 giây, giây đàn làm bằng giây thép. Mọi kêu là « bô rôi ». Một cái ống tiêu, có khi dùng 2 ống trúc làm, hoặc 1 ống, hình như ống quyển la. Mọi kêu là « Tà - lý ». Những đồ nhạc này gặp khi ngày lễ, mừng thọ, mừng cưới vợ, già chồng, hoặc khi nhân họ, thì nhóm nhau ăn uống, đánh nhạc, múa hát để làm vui. Mọi kêu tiếng vui ấy là « Tăm-va-va », cũng như ta kêu là ca xướng vậy.

Các tên hiệu làng của Mọi

Các sách mọi ở xứ này, tên hiệu mỗi làng có khác nhau, vì có chỗ nhân danh mà đặt tên như vậy. Các sách mọi ở gần nước, thì lấy tiếng nước mà đặt tên, như Nước Lá, Hồ Bùn; ở gần núi gò, thì lấy tên núi gò, như Gò-Vườn, Bèo-Cấp, ở nơi đất bằng, thì lấy tên ruộng kêu, như Đồng-Dầu, Đồng-Chùa, Ruộng-Khay, Ruộng-Khăn v. v. Lại có lúc dựa vào màu sắc, có dựa vào trái, hay; mọi gọi gáo, được bọn mọi lấy suy tôn, thì lại lấy tên người mà đặt tên làng, như Con-Luông, Con - Dai, Thổng - Siêng,

Thằng - Nhuận. Có sách tên xưng chủ, như Dã-Đạo, Xả-Trước, là nguyên trước người mướn ở đó, sau sa vào phần đất mọi, nên nay còn để tên người xưa. Còn tên làng, như Làng - Nong, Làng - Mèo, là nguyên xưa người mướn đến buôn bán với mọi, thường nói tên xóm làng, mọi nghe theo hết chớ đừng đặt tên làng mới. Vậy tên làng của mọi, đều vì nguyên nhân ấy mà đặt ra.

Cái thói tục mọi kể trên, là nhân theo lời chép ở bản « Phô-mang-tập-lục » mà dịch thuật ra, kể đến ngày nay, đã trải qua một thời gian trăm năm có lẽ, trước khi chưa có nhà nước Đại-Pháp đến bảo hộ xứ này. Nhưng đối với phong tục ngày nay, thì vẫn không dứt gì là biến cải cho tập theo trình độ tiến hóa, từ ra mọi số ít mọi có theo thói học tập, và vì hoàn cảnh sanh hoạt, mà thay đổi một vài thói tục, như tục chia của cho người chết bỏ mồ, cũng tục chôn người chết vào. Đến như tục bắt mạng người cần cù, giết mạng người rùa hờn, vì có một việc tiếm tâu gì nhau mà gây nên, thì kiếp kiếp đời đời, đều có từ loại thế nào, lẽ còn sống, là nhứt định bảo thủ cho được. Song không phải không biết hồi thuận đầu, như trước kia đã nói, nếu gặp một người cai trị mà xúi xẻo làm việc của nó, phân giải cho được rõ ràng, thì nó là một dân tộc dễ sai khiến.

Gần đây đây nay, ở mấy xứ mọi này, thường nghe có xảy ra những vụ bắt người giết người, làm cho biên dân có vẻ kinh hoàng, nên mấy làng ở gần biên giới mới có đồng nhân đứng đơn bày tỏ ý kiến lên quan trên, vậy xin chép nguyên văn theo đây, để chúng tôi mọi ít thấy thay đổi.

Quảng-ngãi le 27 Juillet 1934,
Kính bầm Quan Khâm-sứ Trưng-bý.

Chúng tôi là các làng xã ở miền trên phủ Tân-nghia, phủ Sơn-tĩnh, kể tiếp hạt Sơn-bà và hạt xã ở về hạt Sơn-bà, xin xét những chuyện sau này:

Nhơn dân trong mấy xã chúng tôi đây, đều nhờ vào việc tranh cãi, cây cối ở miền núi mọi, mà nhứt là nghề buôn mọi để sanh nhai; vì thường gặp nhiều nguy hiểm, lại gặp lúc kinh tế khủng hoảng này, biết nhờ dân mà mong sự sống chung. Vậy nên xin kể lại lịch ra sau này nhứt ơn nhà nước cứu cho.

Từ khi lập đồn Làng-Rũ, kể đến ông Trần-Nguyễn làm quản đồn, rồi làm trại huyện hạt Sơn-bà, hạt mọi rất là yên ổn, nên dân ta đến ở trên miền mọi, khai khẩn đất hoang nhàn, lập thành hai xã hiện (Hải-tân, Hải-thành), nhân dân và mọi rất lấy làm nhờ. Sau khi ông Nguyễn về hưu, thì tới ông Tạ - Thành, ông Võ-Som kế tiếp làm trại huyện, hai ông này không hiểu việc mọi, nên làm mấy lúc, thì dân mọi nổi lên làm giặc, nào là đâm người, giết người, đốt nhà cướp của, phá xóm phá làng, không những người ở đồn đến miền mọi bị nạn đã đành, mà mấy xã ở gần cũng bị cái nạn ấy rất là dữ dội. Từ đó huyện Sơn-bà chia ra làm hai hạt: đồn Kiên-lý (Sơn-bà và Trà-bồng). Từ khi ông Võ-Chánh làm kiêm lý đồn Sơn-bà đến nay, so sánh với lúc ông Som, thì mọi cũng được yên, nhưng nói cho đúng, thì những việc khó khăn đều nhờ có ông bang là Trần-Lòng xử đoán gấm cho. (Ông lòng là người khu xử sự mọi rất có tài năng, mà nhứt là tiếng mọi, tình lý mọi, thật có minh ông đã điều, không ai bì kịp).

(Xem tiếp trang sau)

Chủ nghĩa « Bất bạo động, bất hợp tác » của ông Cam-Địa (Gandhi)

(Tiếp theo Phụ - trương số 771)

Chủ nghĩa bất đề kháng của ông, không phải khoan tay ngồi đó, để cho người ta muốn làm gì thì làm. Ông vẫn có sức chiến đấu rất mạnh mẽ. Ông đi khắp các nơi diễn thuyết hô hào. Năm 1920 công tước Con Nô (Duke Connaught) nước Anh sang dự lễ Ấn-độ, khắp các thành phố lớn, Công tước đi đâu ông cũng đi theo đó; Công tước diễn thuyết tán dương chính trị của nước Anh, ông Cam-địa cũng đi chức những cuộc diễn thuyết phản đối lại, và chỉ trích chính trị thuộc địa của Anh. Trước sau không có chút gì bạo động, song những lời diễn thuyết khoe khoang của Công tước bị ảnh hưởng ấy mà mất hiệu lực. Ông lại còn đưa một bức thư cho Công tước, trong có mấy câu này: « Ngài muốn nhờ sự đồng bào tôi, mà đem công nghiệp chính trị của nước Anh nói cho quần chúng. Mấy trăm triệu dân Ấn độ không tội tình gì... Mấy câu đó tôi rõ ông là người quá quýt! »

Năm 1922, Toàn quyền Anh ở Ấn độ là Montagu, vì dân chúng bất bình, nên xin từ chức, nước Anh liền đổi phương châm cai trị Ấn-độ, tỏ ra thái độ cường nhượng hơn. Toàn quyền mới đến, hạ lệnh bắt tay lãnh tụ cuộc vận động bất hợp tác, ông Cam địa phải vào lao tù. Ông bị buộc phạm vào điều luật 124 A luật hình Ấn độ, bị giải ra tòa án. Lúc đó người bạn của ông là Banker (Banker) cũng bị ra tòa án. Ngày 18 tháng 3, ông và người bạn ra trước tòa án ở Mumbai, (Bombay) vì phiên xử án này ược làm cả nước, nên công chúng đến xem rất đông; từ trong tòa án ra đến ngoài cửa, người ta chật ních như nêm đông, ông Cam địa chỉ một

cách êm đềm mà thông thiết, làm cho những người nghe đều phải cảm động, kết cuộc ông bị 6 năm tù khổ sai đi làm việc khổ sai, người bạn ông bị một năm tù và 1000 đồng bạc phạt. Lúc tuyên án rồi, ông Cam địa nói: « Đối với quan tòa xử cái án tôi đây không hề là nặng nề, tôi thật lấy làm tiếc không được tỏ bày lòng cảm kích của tôi ». Thế là cái người mà dân Ấn độ tôn làm ông thánh, phải vào ngục tội đời cho qua thời kỳ 6 năm.

Ông Cam địa tuy vào lao tù, mà cái mầm tư tưởng bất hợp tác vẫn sâu vào trong não của người Ấn độ, cái đó là một vấn đề rất quan hệ cho chính sách đế quốc Anh.

Nhân cách ông Cam-địa

Trên đã nói qua bước đường của ông đi trải, đây xin nói sơ nhân cách ông.

Ấu một rất đơn sơ, đôi mắt vào to, áo quần toàn dùng vải dệt bằng tay của người Ấn độ làm, trông bề ngoài không khác gì một người hạ lưu nghèo khổ, ông thật là một nhà tôn giáo cực đoan, một vị đại hiền có thể lực cho tình thần vẫn như Đông phương. Ông chủ trương dùng phương pháp tiêu cực chống lại người Anh, cho dân Ấn độ thoát ly hẳn văn hóa Tây phương, đứng ra một mình gây dựng lại văn hóa ngày xưa. Ông xướng cao nghĩa tự nhiên, bài xích văn minh văn học bô ngoại, ông thật là ông Lu-Thôn (J. T. Rousseau) nước Ấn độ, để xướng bảo tri chân lý, phản đối tất cả những sự bạo động; ông lại là ông Tháo nhĩ tư Thái (Lao Taisi) nhà đại văn hào Ngã-lạc xưa nước Ấn độ.

V. S. dịch thuật
(Còn nữa)

Chàng tôi là các làng xã ở miền trên phủ Tân-nghia, phủ Sơn-tĩnh, kể tiếp hạt Sơn-bà và hạt xã ở về hạt Sơn-bà, xin xét những chuyện sau này:

Nhơn dân trong mấy xã chúng tôi đây, đều nhờ vào việc tranh cãi, cây cối ở miền núi mọi, mà nhứt là nghề buôn mọi để sanh nhai; vì thường gặp nhiều nguy hiểm, lại gặp lúc kinh tế khủng hoảng này, biết nhờ dân mà mong sự sống chung. Vậy nên xin kể lại lịch ra sau này nhứt ơn nhà nước cứu cho.

Từ khi lập đồn Làng-Rũ, kể đến ông Trần-Nguyễn làm quản đồn, rồi làm trại huyện hạt Sơn-bà, hạt mọi rất là yên ổn, nên dân ta đến ở trên miền mọi, khai khẩn đất hoang nhàn, lập thành hai xã hiện (Hải-tân, Hải-thành), nhân dân và mọi rất lấy làm nhờ. Sau khi ông Nguyễn về hưu, thì tới ông Tạ - Thành, ông Võ-Som kế tiếp làm trại huyện, hai ông này không hiểu việc mọi, nên làm mấy lúc, thì dân mọi nổi lên làm giặc, nào là đâm người, giết người, đốt nhà cướp của, phá xóm phá làng, không những người ở đồn đến miền mọi bị nạn đã đành, mà mấy xã ở gần cũng bị cái nạn ấy rất là dữ dội. Từ đó huyện Sơn-bà chia ra làm hai hạt: đồn Kiên-lý (Sơn-bà và Trà-bồng). Từ khi ông Võ-Chánh làm kiêm lý đồn Sơn-bà đến nay, so sánh với lúc ông Som, thì mọi cũng được yên, nhưng nói cho đúng, thì những việc khó khăn đều nhờ có ông bang là Trần-Lòng xử đoán gấm cho. (Ông lòng là người khu xử sự mọi rất có tài năng, mà nhứt là tiếng mọi, tình lý mọi, thật có minh ông đã điều, không ai bì kịp).

(Xem tiếp trang sau)

